TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-10-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Minh Ch

2/ Ông Nguyễn Hữu N

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình D – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh L – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 265/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Hương G sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T Th, xã M Q, huyện Ph M, tỉnh B, có yêu cầu xử vắng mặt;

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Tr sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn L Th, xã Nh H, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Hương G là nguyên đơn trình bày:* Tìm hiểu 01 năm, chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M Q, huyện Ph M, tỉnh B năm 2009. Vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà trọ sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Tr thường xuyên đi sớm về muộn

không rõ nguyên do, chị đã nhiều lần tìm hiểu, động viên anh Tr nhưng vẫn không có kết quả. Mặc khác, anh Tr thiếu quan tâm đến vợ, phó thác việc chăm sóc, giáo dục con cho chị. Năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng lại phát sinh do anh Tr thường xuyên vắng nhà, có khi đi cả vài tháng mới về mà không rõ nguyên nhân. Khi được chị nhắc nhở thì vợ chồng xảy ra xung đột, bất đồng với nhau. Năm 2017, vợ chồng về lại Nh H, A, B chung sống được một vài tháng thì anh Tr bỏ nhà đi và không liên lạc về. Chị tìm cách liên lạc, tìm kiếm tin tức anh Tr nhưng vẫn không tin tức gì. Tháng 10/2020, chị yêu cầu Toà án tuyên bố anh Tr mất tính. Ngày 05/5/2021, Toà án nhân dân thị xã A ban hành Quyết định giải quyết sơ thẩm việc dân sự số 45/2021/QĐST-DS tuyên bố anh Nguyễn Văn Tr mất tích. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Chị và anh Trung có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc H sinh ngày 05/02/2009 đang ở với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu Hoa, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chung chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án theo yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Hương G, Toà án thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh Tr vẫn không đến Toà và hiện anh Tr vắng mặt tại địa phương nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phản, HĐXX, Thư ký phiên toà và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Hương G, tuyên chị Phan Thị Hương G ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr; giao cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 05/02/2009 cho chị Phan Thị Hương G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; tài sản chung chị G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đề nghị buộc chị G chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị Hương G và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã M Q, huyện Ph M, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/02/2009. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Tr là hợp

pháp. Theo khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu ly hôn của chị G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2] Về trường hợp vắng mặt của các đương sự: Ngày 21/10/2021 chị Phan Thị Hương G có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; Toà án đã thực hiện thủ tục Niêm yết công khai các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến thời điểm mở phiên toà anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt mà không có yêu cầu phản tố và không có người đại tham gia phiên toà. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng, Toà án xét xử vắng mặt chị G, anh Tr.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị G và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M Q, huyện Ph M, tỉnh B và chung sống với nhau từ đó. Năm 2012, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Tr thường xuyên đi sớm về muộn không rõ nguyên nhân, mặc khác anh Tr thiếu sự quan tâm chia sẽ tình cảm vợ chồng và phó thác việc chăm sóc, giáo dục con cho chị G đảm đương. Năm 2017, vợ chồng về quê tại Nh H, A, B sinh sống được vài tháng thì anh Tr bỏ địa phương đi đâu, làm gì không rõ. Tháng 10/2020, chị G yêu cầu Toà án tuyên bố chồng là anh Nguyễn Văn Tr mất tích. Ngày 05/5/2021, Toà án nhân dân thị xã A ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 45/2021/QĐST-DS tuyên bố anh Nguyễn Văn Tr mất tích. Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình "Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Toà án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Toà án giải quyết cho ly hôn". Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

[2.2] Trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn: Chị Phan Thị Hương G và anh Nguyễn Văn Tr có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc H sinh ngày 05/02/2009 đang ở với chị G. Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H phù hợp với nguyện vọng của cháu nên HĐXX chấp nhận. Chị Phan Thị Hương G không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nên ghi nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, quyền lợi, nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Phan Thị Hương G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị Hương G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Hương G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

2. Trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn: Giao cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 05/02/2009 (đang ở với chị G) cho chị Phan Thị Hương G trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành lao động được.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Hương G không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, theo yêu cầu của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đố Tòa án có thể quyết định mức cấp dưỡng

3. Về quan hệ tài sản chung, quyền lợi, nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Phan Thị Hương G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Hương G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004882 ngày 05/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh B.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã M Q;
- Lưu HSVA, VP.

Thái Văn H